TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành.**
2. Ông **Lâm Thành Tài.**

Thư ký Tòa án: Ông **Tạ Văn Cung -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 8 và ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 74/2018/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị K Q** - sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Đặng V M** - sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Q trình bày và yêu cầu: Chị Q và anh M sống chung như vợ chồng từ ngày 09 tháng 9 năm 2014 âm lịch, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Do đời sống chung không hạnh phúc nên chị Q yêu cầu được ly hôn anh M.

Chị Q xác định trong thời gian sống chung anh M chị Q và anh M có một con chung tên Võ Tr Nh - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015, chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

Chị Q và anh M không có tài sản chung, nhưng chị Q có tài sản riêng là 05 chỉ vàng 24k do anh M quản lý, chị Q yêu cầu anh M trả cho chị Q số vàng này.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 chị Q rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và rút yêu cầu đòi 05 chỉ vàng 24k đối với anh M. Ngày 04 tháng 5 năm 2018 chị Q nộp đơn khởi kiện yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn anh M trình bày: Anh và chị Q được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và sống chung vào tháng 10 năm 2014 dương lịch (Không nhớ ngày nào), hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung có một con chung tên Đặng V Tr sinh tháng 8 năm 2015 dương lịch, không có con nuôi, anh M có 03 con riêng. Anh M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng con tên Đặng V Tr, không phải Võ Tr Nh. Anh M xác định anh không có quản lý vàng của chị Q nên không đồng ý yêu cầu của chị Q về vàng.

Tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 4 năm 2018 anh M thừa nhận cháu Võ Tr Nh là con của anh và chị Q. Các lời khai tiếp theo anh M xác định anh M nghi ngờ cháu Võ Tr Nh - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015 không phải con anh M, nên yêu cầu giám định huyết thống, nhưng anh M không nộp chi phí giám định.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn có đề nghị được xét xử vắng mặt tại phiên tòa nhưng không nộp văn bản thể hiện có ý kiến khác đối với các ý kiến đã trình bày.

- Bị đơn vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện có ý kiến khác đối với ý kiến đã trình bày.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị K Q và anh Đặng V M.

+ Về con: Giao con chung của anh M và chị Q là cháu Võ Tr Nh - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015 cho chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được quyền cản trở. Buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Võ Tr Nh theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 695.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2018 đến khi cháu Võ Tr Nh tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ không có, nên không xem xét giải quyết. Đình chỉ yêu cầu của chị Q về tài sản riêng là 05 chỉ vàng 24k.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Chị Q và anh M sống chung như vợ chồng vào tháng 10 năm 2014 đương lịch, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản hòa giải 26 tháng 4 năm 2018 anh M thừa nhận cháu Võ Tr Nh - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015 là con của anh M và chị Q.

- Chị Q yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Tại lời khai ngày 22 tháng 5 năm 2018 anh M trình bày anh nghi ngờ cháu Võ Tr Nh - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015 không phải con anh M, nên yêu cầu giám định huyết thống, nhưng anh không nộp chi phí giám định theo thông báo của Tòa án.

- Chị Q yêu cầu anh M trả tài sản riêng cho chị Q là 05 chỉ vàng 24k, nhưng chị Q đã rút phần yêu cầu này đối với anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của chị Q về hôn nhân: Chị Q và anh M sống chung như vợ chồng từ tháng 10 năm 2014 dương lịch, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị Q yêu cầu ly hôn anh M, tuy anh M thuận tình ly hôn chị Q, nhưng do hôn nhân của chị Q và anh M không hợp pháp, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoảng 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị K Q và anh Đặng V M.

[4] Xét yêu cầu của chị Q về con:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Các lời khai ban đầu anh M xác định khi anh và chị Q sống chung có được một người con tên Đặng V Tr - sinh tháng 8 năm 2015, chị Q đặt tên con là Võ Tr Nh anh M không đồng ý. Tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 4 năm 2018 anh M xác định anh và chị Q có một con chung tên Võ Tr Nh - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015 hiện đang sống chung chị Q và đồng ý giao con cho chị Q nuôi. Ngày 22 tháng 5 năm 2018 anh M xác định anh nghi ngờ cháu Võ Tr Nh không phải là con anh, nên yêu cầu giám định huyết thống giữa cháu Nhân với anh M, Tòa án đã thông báo nộp chi phí giám định nhưng anh M không nộp chi phí và xác định rút yêu cầu giám định, đến thời điểm này anh M không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cháu Võ Tr Nh không phải là con anh M và cũng không có ý kiến gì khác, chứng tỏ anh M đã thừa nhận cháu Võ Tr Nh - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015 là con của anh M như sự thừa nhận của anh M tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 4 năm 2018. Anh M không tranh chấp nuôi con với chị Q và chị Q có yêu cầu được nuôi con, nên Hội đồng xét xử giao cháu Nhân cho chị Q trực tiếp nuôi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng:

+ Mặc dù anh M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng theo quy định pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của người trực tiếp nuôi con. Anh M chỉ xác định là không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh anh M mắc phải bệnh dẫn đến không có khả năng lao động được, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Q.

+ Về mức cấp dưỡng: Anh M và chị Q không thỏa thuận được thời gian cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 82, 107 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị Q theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 695.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2018 đến khi cháu Võ Tr Nh tròn 18 tuổi.

[5] Về quan hệ tài sản:

- Chị Q và anh M không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Chị Q yêu cầu anh M trả chị Q 05 chỉ vàng 24k, nhưng chị Q đã rút yêu cầu này, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điệu 217 và 218 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu đòi tài sản của chị Q đối với anh M.

[6] Về án phí trong vụ án: Buộc chị Q phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm. Buộc anh M phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 107, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị K Q và anh Đặng V M.

2. Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung của chị Q và anh M là cháu Võ Tr Nh - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015 cho chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

Buộc anh Đặng V M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Võ Tr Nh - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2015 theo phương thức định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 695.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2018 đến khi cháu Võ Tr Nh tròn 18 tuổi.

3 Về quan hệ tài sản: Đình chỉ yêu cầu của chị Q đòi anh M trả 05 chỉ vàng 24k.

4. Về án phí:

- Buộc chị Võ Thị K Q phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011582 ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Q được nhận lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Buộc anh Đăng Văn Minh phải nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án

theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Thị Đang

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.